

BẢN TÓM LƯỢC 24/47 DUYÊN TRONG ĐẠI PHÁT THỨ

01	Nhân Duyên		01	16	Quyền Duyên	Câu Sinh Quyền Duyên	24
02	Cảnh Duyên		02			Tiền Sinh Quyền Duyên	25
03	Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng Duyên	03			Sắc Mạng Quyền Duyên	26
		Câu Sinh Trưởng Duyên	04				
		Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng	05	17	Thiền Na Duyên		27
				18	Đồ Đạo Duyên		28
04	Vô Giá Duyên		06	19	Tương Ứng Duyên		29
05	Đẳng Vô Giá Duyên		06*	20	Bất Tương Ứng Duyên	Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	30
06	Câu Sinh Duyên		07			Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	31
07	Hỗ Tương Duyên		08			Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên	32
08	Y Chỉ Duyên	Câu Sinh Y Duyên	09			Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên	33
		Vật Tiền Sinh Y Duyên	10				
		Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	11	21	Hiện Hữu Duyên	Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	34
						Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	35
09	Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên	12			Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	36
		Vô Giá Cận Y Duyên	13			Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên	37
		Thường Cận Y Duyên	14			Vật Thực Hiện Hữu Duyên	38
10	Tiền Sinh Duyên	Vật Tiền Sinh Duyên	15			Quyền Hiện Hữu Duyên	39
		Cảnh Tiền Sinh Duyên	16	22	Vô Hữu Duyên		40
11	Hậu Sinh Duyên		17	23	Ly Khứ Duyên		41
12	Trùng Dục Duyên		18	24	Bất Ly Duyên	Câu Sinh Bất Ly Duyên	42
						Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên	43
13	Nghiệp Duyên	Câu Sinh Nghiệp Duyên	19			Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	44
		Dị Thời Nghiệp Duyên	20			Hậu Sinh Bất Ly Duyên	45
14	Dị Thực Quả Duyên		21			Vật Thực Bất Ly Duyên	46
15	Vật Thực Duyên	Sắc Vật Thực Duyên	22			Quyền Bất Ly Duyên	47
		Danh Vật Thực Duyên	23				

1. NHÂN HIỆP LỰC (HETUPACCAYO GHATANĀ)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	6 Nhân Tương Ứng: Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si		3 Nhân Thiện: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si	
Sở Duyên	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	
NHÂN DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	3 Nhân Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
2. Câu Sinh Ý	6 Nhân	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	6 Nhân	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	6 Nhân	"	"	"
5. Câu Sinh Trưởng	Vô Si	66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm Trưởng	Trí	33 Tâm Hữu Trưởng Tam Nhân Thiện 37 Tâm Sở (- Trí)
6. Câu Sinh Quyền	Vô Si	79 Tâm Tam Nhân, 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm Tam Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Trí	33 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)
7. Đồ Đạo Duyên	Vô Si	"	Trí	"
8. Câu Sinh Bất Tương Ứng	6 Nhân	17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
9. Tương Ứng	6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	3 Nhân Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
10. Hỗ Tương	6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, Sắc Ý Vật Tái Tục	"	"
11. Dị Thực Quả	3 Nhân Vô Ký	37 Tâm Quả Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm Quả, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục		
Cộng Duyên Hiệp Lực	11		9 nhân	
- Nói theo Khi (Thời):	Tái Tục - Bình Nhựt - Tử		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học 4 Phàm 3 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

1A. NHÂN HIỆP LỰC (HETUPACCAYO GHATANĀ)	CÂU # 2		CÂU # 3		CÂU # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất thiện	
Năng Duyên	3 Nhân Thiện		3 Nhân Thiện		3 Nhân Bất Thiện	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Thiện		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Thiện		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp Tâm Si)	
NHÂN DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	3 Nhân Thiện	17 Sắc Tâm Thiện	3 Nhân Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	3 Nhân Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp Tâm Si)
2. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly Duyên	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Trưởng Duyên ✕	Trí	"	Trí	33 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm		
6. Câu Sinh Quyền Duyên ✓	"	"	"	"		
7. Đồ Đạo Duyên ✓	"	"	"	"		
8. C. S. Bất Tương Ứng	3 Nhân Thiện	"				
9. Tương Ứng Duyên					3 Nhân Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp Tâm Si)
10. Hổ Tương Duyên					"	"
11. Dị Thực Quả Duyên						
Cộng Duyên Hiệp Lực	8		7		6	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

1B. NHÂN HIỆP LỰC	CÂU # 5		CÂU # 6		CÂU # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện + Vô Ký		Vô Ký Trợ Vô Ký	
Năng Duyên	3 Nhân Bất Thiện: Tham, Sân, Si		3 Nhân Bất Thiện		3 Nhân Vô Ký: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Bất Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si), 17 Sắc Tâm Bất Thiện		54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Vô Ký, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	
NHÂN DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	3 Nhân Bất Thiện	17 Sắc Tâm Bất Thiện	3 Nhân Bất T.	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Bất Thiện	3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Vô Ký 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
2. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Trưởng					Trí	20 Tâm Quả Siêu Thế, 13 Tâm Duy Tác Tam Nhân, 17 Sắc Tâm Vô Ký Tam Nhân, 37 Tâm Sở (- Trí)
6. Câu Sinh Quyền					Trí	46 Tâm Vô Ký Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí), 17 Sắc Tâm Vô Ký 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
7. Đồ Đạo Duyên					Trí	"
8. Câu S. Bất T. Ứng	3 Nhân Bất Thiện	17 Sắc Tâm Bất Thiện			3 Nhân Vô Ký	17 Sắc Tâm Vô Ký, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
9. Tương Ứng Duyên					3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở
10. Hỗ Tương Duyên					3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục
11. Dị Thục Quả					3 Nhân Vô Ký	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm Quả 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
Cộng Duyên Hiệp Lực	5		4		11	
- Nói theo Khi (Thời):	Binh Nhựt		Binh Nhựt		Tái Tục - Binh Nhựt - Tử	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		26 Cõi Vui Hữu Tâm	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		3 Phàm Vui - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

1C. NHÂN DUYÊN TÁU HỢP (SABHĀGA)	THÔNG THƯỜNG TÁU HỢP 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC				HỮU DỊ THỰC				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất T. Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất T. Ứng	Hữu H. T. Hữu B. T. Ư.
Năng Duyên	6 Nhân	6 Nhân	6 Nhân	6 Nhân	3 Nhân	3 Nhân	3 Nhân	3 Nhân	3 Nhân
Sở Duyên	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) Sắc Ý Vật Tái Tục	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	17 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm Quả 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	13 Tâm Tái Tục Hữu Nhân Ngũ Uẩn 35 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở	15 Sắc Tâm Hữu Nhân 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Sắc Ý Vật Tái Tục với Tâm Hữu Nhân
Mãnh Lực Duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
1. Nhân Duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương		HỖ TƯƠNG	HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	HỖ TƯƠNG		HỖ TƯƠNG
7. Tương Ứng			TƯƠNG ƯNG				TƯƠNG ƯNG		
8. C. S. Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - T. + V K Bất Thiện - B. T. Bất Thiện - Vô Ký B T - B T + V K Vô Ký - Vô Ký	Thiện - T. B T - B T Vô K - Vô K	Thiện - T. B T - B T Vô K - Vô K	Thiện - V K B T - B T Vô K - Vô K	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

1D. NHÂN DUYÊN TÁU HỢP (HETUPACCAYO SABHĀGA)	HỮU QUYỀN LỰC - HỮU ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP 9 Cách								
	VÔ DỊ THỰC				HỮU DỊ THỰC				
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ưng	Hữu Bất T. Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T Ưng	Hữu Bất T. Ư.	Hữu Hỗ T. Hữu B T Ư
Năng Duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở Duyên	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục	79 Tâm Tam Nhân 37 Tâm Sở	17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	33 Tâm Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở 17 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	9 Tâm Tái Tục Tam Nhân, Cõi Ngũ Uẩn 34 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục	33 Tâm Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở	15 Sắc Tâm 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Sắc Ý Vật Tái Tục với Tâm Tam Nhân
Mãnh Lực Duyên	7	8	9	8	8	9	10	9	10
1. Nhân Duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C. S. Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. C. S. Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Đồ Đạo	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO
8. Hỗ Tương		HỖ TƯƠNG	HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	HỖ TƯƠNG		HỖ TƯƠNG
9. Tương Ưng			TƯƠNG ƯNG				TƯƠNG ƯNG		
10. C. S. Bất T. Ư.				C. S. B. T. Ư.				C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả					D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện-Thiện Thiện-Vô Ký Thiện-Thiện + Vô Ký Vô Ký-Vô Ký	Thiện-Thiện V Ký -V Ký	Thiện-Thiện V Ký -V Ký	Thiện- V K V Ký -V Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	2	1	1	1	1	1

1E. NHÂN DUYÊN TÁU HỢP (HETUPACCAYO SABHĀGA)	HỮU TRƯỞNG - HỮU QUYỀN - HỮU ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở Duyên	66 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm	66 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân 37 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	8	10	9	9	11	10
1. Nhân Duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu Sinh	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH
3. Câu Sinh Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU
5. C. S. Bất Ly	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY
6. C. S. Trưởng	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG
7. C. S. Quyền	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN
8. Đồ Đạo	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO
9. Hỗ Tương		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	
10. Tương Ứng		TƯƠNG ỨNG			TƯƠNG ỨNG	
11. C. S. Bất T. Ư.			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
12. Dị Thực Quả				DỊ THỰC QUẢ	DỊ THỰC QUẢ	DỊ THỰC QUẢ
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	1	1	1

2. CẢNH HIỆP LỰC (ĀrammanaPaccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CÂU # 1		CÂU # 2	
			Thiện - Thiện		Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở 28 Sắc, Níp Bàn và Chế Định		32 Tâm Thiện (- Tâm Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở		17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	121 Tâm 52 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện, Tâm Thiện Thắng Trí, Thiện Thức Vô Biên Xứ, Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
CẢNH DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Trưởng Duyên	18 Sắc rõ thành cảnh tốt 116 Tâm 47 Tâm Sở và Níp-Bàn	8 Tâm Tham 8 Tâm Đại Thiện 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Tâm Siêu Thế 45 Tâm Sở	32 Tâm Thiện (- Tâm Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở	8 Tâm Đại Thiện 33 Tâm Sở	17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
2. Cảnh Cận Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Vật Cảnh T. Sinh Y	Sắc Ý Vật Cận Tử	47 Tâm nương Vật nhứt định 44 Tâm Sở				
4. Vật Cảnh Tiền Sinh	"	"				
5. V. C. T. S. B. T. Ưng	"	"				
6. V. C. T. S. Hiện Hữu	"	"				
7. V. C. T. S. Bất Ly	"	"				
8. Cảnh Tiền Sinh	18 Sắc rõ thành hiện tại	54 Tâm Dục Giới 2 Tâm Thắng Trí 50 Tâm Sở				
9. C. T. S. Hiện Hữu	"	"				
10. C. T. S. Bất Ly	"	"				
Cộng Duyên Hiệp Lực	10		2		2	
- Nói theo Khi:	Bình Nhặt		Bình Nhặt		Bình Nhặt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn - Tứ Uẩn		Ngũ Uẩn - Tứ Uẩn		Ngũ Uẩn - Tứ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý Môn	

2A. CẢNH HIỆP LỰC (ĀrammanaPaccayo Ghatanā)	CÂU # 3		CÂU # 4		CÂU # 5		CÂU # 6	
	Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện		Bất Thiện - Thiện		Bất Thiện - Vô Ký	
Năng Duyên	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
Sở Duyên	10 Tâm Duy Tác Dục Giới 11 Tâm Na Cảnh, Duy Tác Thắng Trí, Quả và Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, Quả và Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (- Tâm Khai Ngũ Môn) 33 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện Tâm Thiện Thắng Trí 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)		10 Tâm Duy Tác Dục Giới 11 Tâm Na Cảnh, Tâm Duy Tác Thắng Trí (- Khai Ngũ Môn) 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)	
CẢNH DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Trưởng	Tâm Đạo Vô Sinh 36 Tâm Sở	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 33 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở				
2. Cảnh Cận Y	"	"	"	"				
3. Vật Cảnh T. S. Y								
4. Vật Cảnh Tiền Sinh								
5. V C T S Bất T Ứng								
6. V. C. T. S. Hiện Hữu								
7. V. C. T. S. Bất Ly								
8. Cảnh Tiền Sinh								
9. Cảnh T. S. Hiện Hữu								
10. Cảnh T. S. Bất Ly								
Cộng Duyên Hiệp Lực	2		2		0		0	
- Nói theo Khi:	Bình - Nhật		Bình - Nhật		Bình - Nhật		Bình - Nhật	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

2B. CẢNH HIỆP LỰC (ĀrammanaPaccayo Ghatanā)	CÂU # 7		CÂU # 8		CÂU # 9	
	Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Thiện		Vô Ký - Bất Thiện	
Năng Duyên	52 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác 38 Tâm Sở, 28 Sắc, Níp Bàn		47 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác (- Quả Vô Sinh), 38 Tâm Sở, 28 Sắc, Níp Bàn		32 Tâm Quả Hiệp Thế 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở và 28 Sắc	
Sở Duyên	23 Tâm Quả Dục Giới 11 Tâm Duy Tác Dục Giới, Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và 20 Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện Tâm Thiện Thắng Trí 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
CẢNH DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Trường Duyên	Tâm Quả Vô Sinh 36 Tâm Sở và Níp Bàn	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Duy Tác Thắng Trí 20 Tâm Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở	3 Tâm Quả Thấp 36 Tâm Sở Níp Bàn	4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở	31 Tâm Quả Hiệp Thế (-Thân thức Khô thọ) 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở 18 Sắc thành tựu	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
2. Cảnh Cận Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Vật Cảnh Tiền Sinh Y	Sắc Ý Vật Cận Tử	11 Tâm Duy Tác Dục Giới 11 Tâm Na Cảnh, Duy Tác Thắng Trí, 33 Tâm Sở	Sắc Ý Vật Cận Tử	8 Tâm Đại Thiện Thiện Thắng Trí 36 Tâm Sở	Sắc Ý Vật Cận Tử	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
4. Vật Cảnh Tiền Sinh	"	"	"	"	"	"
5. V. C. T. S. Bất T. Ứng	"	"	"	"	"	"
6. V. C. T. S. Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
7. V. C. T. S. Bất Ly	"	"	"	"	"	"
8. Cảnh Tiền Sinh	18 Sắc thành tựu hiện tại	"	18 Sắc thành tựu hiện tại	"	18 Sắc thành tựu hiện tại	12 Bất Thiện 27 Tâm Sở
9. Cảnh T. S. Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
10. Cảnh T. S. Bất Ly	"	"	"	"	"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	10		10		10	
- Nói theo Khi:	Bình Nhật		Bình Nhật		Bình Nhật	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo người:	4 Phàm - 4 Quả		Phàm Tam Nhân - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

2C. CẢNH TÁU HỢP (ĀrammanaPaccayo Sabhāga)	CÂU # 1	CÂU # 2	CÂU # 3	CÂU # 4	CÂU # 5
	Cảnh Trưởng	Cảnh Tiền Sinh	Vật Tiền Sinh	Cảnh Tiền Sinh Trưởng	Vật Tiền Sinh Trưởng
Năng Duyên	18 Sắc thành tựu thành cảnh tốt 116 Tâm 47 Tâm Sở và Níp-Bàn	6 Cảnh Sắc là 18 Sắc thành tựu	Sắc Ý Vật Cận Tử	18 Sắc thành tựu thành cảnh tốt	Sắc Ý Vật thành cảnh ưa thích
Sở Duyên	8 Tâm Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng và 40 Tâm Siêu Thế 45 Tâm Sở	54 Tâm Dục Giới 2 Tâm Thắng Trí và 50 Tâm Sở (- Vô Lượng Phần)	43 hoặc 47 Tâm nuơng Vật 44 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	3	4	6	6	8
1. Cảnh Duyên	CẢNH	CẢNH	CẢNH	CẢNH	CẢNH
2. Cảnh Trưởng	CẢNH TRƯỞNG			CẢNH TRƯỞNG	CẢNH TRƯỞNG
3. Cảnh Cận Y	CẢNH CẬN Y			CẢNH CẬN Y	CẢNH CẬN Y
4. Cảnh Tiền Sinh		CẢNH TIỀN SINH		CẢNH TIỀN SINH	
5. C. T. S. Hiện Hữu		C. T. S. H. H.		C. T. S. H. H.	
6. C. Tiền Sinh Bất Ly		C. T. S. B. L.		C. T. S. B. L.	
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Y			V. C. T. S. Y		V. C. T. S. Y
8. V. Cảnh Tiền Sinh			V. C. T. S.		V. C. T. S.
9. V C T S B Tương Ứng			V. C. T. S. B. T. Ư.		V. C. T. S. B. T. Ư.
10. V.C.T.S. H. Hữu			V. C. T. S. H. H.		V. C. T. S. H. H.
11. V.C.T.S. Bất Ly			V. C. T. S. B. L.		V. C. T. S. B. L.
	Thiện - Thiện Thiện - Bất Thiện Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện	Vô Ký - Thiện Vô Ký - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Thiện Vô Ký - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Bất Thiện	Vô Ký - Bất Thiện
Cộng Câu:	4	3	3	1	1

3. CẢNH TRƯỞNG HIỆP LỰC (GHATANĀ)	PHẦN TỔNG QUÁT		Câu # 1		Câu # 2		Câu # 3	
			Thiện - Thiện		Thiện - Bất Thiện		Thiện - Vô Ký	
Năng Duyên	116 Tâm (- Sân, Si, Thân Thức Khổ thọ 47 Tâm Sở 18 Sắc thành tựu thành cảnh ưa thích và Níp Bàn		32 Tâm Thiện (- Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở		17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở		Tâm Đạo Vô Sinh 36 Tâm Sở	
Sở Duyên	8 Tâm Tham, 8 Tâm Đại Thiện 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ và Vô Lượng Phần)		8 Tâm Tham 22 Tâm Sở		4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 33 Tâm Sở	
CẢNH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở D.	Năng D.	Sở Duyên
1. Cảnh Duyên	116 Tâm 47 Tâm Sở 18 Sắc thành cảnh tốt và Níp-Bàn	8 Tâm Tham 8 Tâm Đại Thiện 4 Duy Tác Tương Ứng 40 Tâm Siêu Thế 45 Tâm Sở	32 Tâm Thiện (- Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở	8 Tâm Đại Thiện 33 Tâm Sở	17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	Tâm Đạo Vô Sinh 36 Tâm Sở	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 33 Tâm Sở
2. Cảnh Cận Y	"	"	"	"	"	"	"	"
3. Cảnh T. S. H. Hữu	18 Sắc thành tựu ưa thích	8 Tâm Tham, 22 Tâm Sở						
4. C. T. S. Bất Ly	"	"						
5. C. Tiền Sinh	"	"						
6. Vật Cảnh T. S. Y	Ý Vật Cận Tử	8 Tâm Tham, 22 Tâm Sở						
7. Vật Cảnh Tiền Sinh	"	"						
8. V. C. T. S. Hiện Hữu	"	"						
9. V. C. T. S. Bất Ly	"	"						
10. V. C. T. S. B. T. Ứng	"	"						
11. V. C. T. S. Trưởng	"	"						
Cộng Duyên Hiệp Lực	11		2		2		2	
- Nói theo Khi:	Bình Nhật		Bình Nhật		Bình Nhật		Bình Nhật	
- Nói theo Cõi	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả H. H.		Quả Vô Sinh	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý		Phản Khán	

3A. CẢNH TRƯỞNG HIỆP LỰC (GHATANĀ)	Câu # 4		Câu # 5		Câu # 6		Câu # 7	
	Bất Thiện - Bất Thiện		Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Thiện		Vô Ký - Bất Thiện	
Năng Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở		Tâm Quả Vô Sinh 36 Tâm Sở Níp-Bàn		3 Tâm Quả Thấp 36 Tâm Sở Níp-Bàn		31 Tâm Quả Hiệp Thế (- Thân Thức Khổ Thọ) 20 Tâm Duy Tác 35 Tâm Sở, 18 Sắc thành tựu	
Sở Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở		4 Đại Duy Tác Tương Ứng 20 Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở		4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở (- Vô Lượng Phần)		8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	
CẢNH TRƯỞNG	Năng D.	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	Tâm Quả Vô Sinh 36 Tâm Sở Níp-Bàn	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 20 Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở	3 Tâm Quả Thấp 36 Tâm Sở Níp-Bàn	4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở	31 Quả Hiệp Thế 20 Tâm Duy Tác 35 Tâm Sở 18 Sắc thành cảnh tốt	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
2. Cảnh Cận Y	"	"	"	"	"	"	"	"
3. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu							18 Sắc thành ưa thích	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
4. C. Tiền Sinh Bất Ly							"	"
5. Cảnh Tiền Sinh							"	"
6. Vật Cảnh T. Sinh Y							Sắc Ý Vật Cận Tử	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
7. Vật Cảnh Tiền Sinh							"	"
8. V. C. T. S. H. H.							"	"
9. V. C. T. S. Bất Ly							"	"
10. V. C. T. S. B. T. U.							"	"
11. V. C. T. S. Trưởng							"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	2		2		2		11	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ - Ngũ		Tứ - Ngũ		Tứ - Ngũ		Tứ - Ngũ	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Quả		4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

3B. CẢNH TRƯỞNG TẤU HỢP (AdhipatiPaccayo Sabhāga)	LINH TINH TẤU HỢP Có 3 Cách (PAKINNAKA SABHĀGA)		
	Câu # 1	Câu # 2	Câu # 3
Năng Duyên	116 Tâm (- Sân, Si, Thân Thức Khổ Thọ) 47 Tâm Sở 18 Sắc thành tựu ưa thích và Níp-Bàn	18 Sắc thành tựu cảnh tốt	Sắc Ý Vật Cận Tử
Sở Duyên	8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 8 Tâm Tham, 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	3	6	12
1. Cảnh Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng	Cảnh Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng Duyên
2. Cảnh Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y	Cảnh Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên
3. Cảnh Duyên	Cảnh Duyên	Cảnh Duyên	Cảnh Duyên
4. Cảnh Tiền Sinh Duyên		Cảnh Tiền Sinh Duyên	Cảnh Tiền Sinh Duyên
5. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu		Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu	Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu
6. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly		Cảnh Tiền Sinh Bất Ly	Cảnh Tiền Sinh Bất Ly
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Y			Vật Cảnh Tiền Sinh Y
8. Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên			Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên
9. V. C. T. S. Bất Tương Ứng			Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng
10. Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu			Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu
11. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly			Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly
12. Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng			Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng
	Thiện - Thiện Thiện - Bất Thiện Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký Vô Ký - Thiện Vô Ký - Bất Thiện	Vô Ký - Bất Thiện	Vô Ký - Bất Thiện
Cộng Câu:	7	1	1

4. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (SahajātAdhipatiPaccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		Câu # 1	
			Thiện - Thiện	
Năng Duyên	84 Tâm Đồng Lực Nhị và Tam Nhân Tâm Sở Dục Tâm Sở Cần } hợp với 84 Tâm Đồng Lực Nhị- Tam Nhân, Tâm Sở Trí hợp với 52 Tâm Đồng Lực Tam Nhân		Tứ Trưởng: Dục, Cần, Tâm, Thầm	
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lực Nhị và Tam Nhân (Hữu Trưởng) 51 Tâm Sở (- Hoài Nghi), 17 Sắc Tâm Hữu Trưởng		37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	
CÂU SINH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Nhân Duyên	Trí	66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Trí	33 Tâm Đồng Lực Thiện Tam Nhân, 37 Tâm Sở
2. Câu Sinh Duyên	Tứ Trưởng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Tứ Trưởng	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
3. Câu Sinh Y Duyên	Tứ Trưởng	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	Tứ Trưởng	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly	Tứ Trưởng	"	"	"
6. Hỗ Tương	Tứ Trưởng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở	"	"
7. Danh Vật Thực	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng	51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	37 Thiện Tam Nhân	38 Tâm Sở
8. Câu Sinh Quyền	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tâm Sở Cần và Tâm Sở Trí	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Cần, Tâm, Thầm	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
9. Đồ Đạo Duyên	Cần, Trí	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Cần, Trí	"
10. Tương Ứng Duyên	Tứ Trưởng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở	Tứ Trưởng	"
11. Câu Sinh Bất T. Ứng	Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm		
12. Dị Thực Quả	Tứ Trưởng	20 Tâm Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở + 15 Sắc Tâm		
Cộng Duyên Hiệp Lực	12		10	
- Nói theo Khi:	Bình Nhật		Bình Nhật	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

4A. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	Câu # 2		Câu # 3		Câu # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	Tứ Trưởng		Tứ Trưởng		3 Trưởng (- Trí)	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm		37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm		10 Tâm Bất Thiện (- 2 Tâm Si) 26 Tâm Sở (- Si Hoài Nghi)	
CÂU SINH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Nhân Duyên	Trí	17 Sắc Tâm	Trí	33 Đồng Lực Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm		
2. Câu Sinh Duyên	Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm	Tứ Trưởng	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	3 Trưởng (-Trí)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (-Si Hoài Nghi)
3. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
6. Hỗ Tương Duyên					"	"
7. Danh Vật Thực	Thức Thực Thiện (37 Thiện)	17 Sắc Tâm	Thức Thực Thiện (37 Thiện)	38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	10 Tâm Bất Thiện	26 Tâm Sở
8. Câu Sinh Quyền	Cần, Tâm, Thảm	"	Cần, Tâm, Thảm	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Cần, 10 Tâm Bất Thiện (- Si)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (- Si)
9. Đồ Đạo Duyên	Cần, Trí	"	Cần, Trí	"	Cần	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (- Cần, Si)
10. Tương Ứng Duyên					3 Trưởng (-Trí)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở
11. Câu S. B. T. Ứng	Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm				
12. Dị Thực Quả						
Cộng Duyên Hiệp Lực	9		8		9	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

4B. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	Câu # 5		Câu # 6		Câu # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện và Vô Ký		Vô Ký trợ Vô Ký	
Năng Duyên	3 Trưởng (- Trí)		3 Trưởng (- Trí)		Tứ Trưởng	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm		10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm (- Si)		20 Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng, 35 Tâm Sở	
CÂU SINH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Nhân Duyên					Trí	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm
2. Câu Sinh Duyên	3 Trưởng (- Trí)	17 Sắc Tâm	3 Trưởng (- Trí)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	Tứ Trưởng	20 Quả Siêu Thế + 36 Tâm Sở 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng 17 Sắc Tâm
3. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
4. Câu S. Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
6. Hỗ Tương					Tứ Trưởng	20 Quả Siêu Thế + 36 Tâm Sở 17 Duy Tác Hữu Trưởng + 35 Tâm Sở
7. Danh Vật Thực	10 Tâm Bất Thiện (- Si)	17 Sắc Tâm	10 Tâm Bất Thiện	26 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 17 Duy Tác Hữu Trưởng	36 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm
8. Câu Sinh Quyền	Tâm Sở Cần 10 Tâm Bất Thiện	"	Tâm Sở Cần, 10 Tâm Bất Thiện (- Si)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	Cần - 20 Tâm Quả Siêu Thế, 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng + Trí	20 Quả Siêu Thế + 36 Tâm Sở 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng + 35 Tâm Sở
9. Đồ Đạo Duyên	Cần	"	Cần	"	Cần, Trí	"
10. Tương Ứng					Tứ Trưởng	"
11. Câu Sinh B. T. Ư.	3 Trưởng	17 Sắc Tâm			Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm
12. Dị Thực Quả					Tứ Trưởng	20 Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm
Cộng Duyên Hiệp Lực	8		7		12	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

4C. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SahajātAdhipati Paccayo SABHĀGA) Có 24 Cách	DỤC TRƯỞNG TÁU HỢP 6 CÁCH					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất T. Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất T. Ứng
Năng Duyên	Dục Trưởng hợp 84 Tâm Đồng Lực Nhị - Tam Nhân	Dục Trưởng hợp 84 Tâm Đồng Lực Nhị - Tam Nhân	Dục Trưởng hợp 84 Tâm Đồng Lực Nhị - Tam Nhân	Dục Trưởng hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Dục Trưởng hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Dục Trưởng hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Dục, Hoài Nghi)	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở (- Dục) 17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở (- Dục)	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	5	7	6	6	8	7
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu S. Y Duyên	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương Duyên		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	
7. Tương Ứng		TƯƠNG ỨNG			TƯƠNG ỨNG	
8. C. S. Bất T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký T - Thiện + Vô Ký Bất Thiện - B. T. Bất Thiện - Vô Ký B T - B T + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện B Thiện - B Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1

4D. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SABHAGA) Có 24 Cách	CẦN TRƯỞNG TÁU HỢP 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biển Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biển Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	Tâm Sở Cần hợp 84 Tâm Đồng Lục Hữu Trưởng	Tâm Sở Cần hợp 84 Tâm Đồng Lục Hữu Trưởng	Tâm Sở Cần hợp 84 Tâm Đồng Lục Hữu Trưởng	Tâm Sở Cần hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Tâm Sở Cần hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Tâm Sở Cần hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lục Hữu Trưởng 50 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	84 Tâm Đồng Lục Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Dục, Hoài Nghi)	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở (- Cần) 15 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh H. Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Đồ Đạo Duyên	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO
8. Hỗ Tương Duyên		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	
9. Tương Ứng		TƯƠNG ỨNG			TƯƠNG ỨNG	
10. C. S. B. T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				DỊ THỰC QUẢ	DỊ THỰC QUẢ	DỊ THỰC QUẢ
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Bất Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Bất Thiện - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1

4E. CÂU SINH TRƯỞNG TẤU HỢP (SABHĀGA) Có 24 Cách	TÂM TRƯỞNG TẤU HỢP 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	84 Tâm Hữu Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	51 Tâm Sở (- Si Hoài Nghi) 17 Sắc Tâm	51 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	36 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	36 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y Duyên	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương Duyên		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	
7. Tương Ứng Duyên		TƯƠNG ỨNG			TƯƠNG ỨNG	
8. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
9. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
10. C. S. Bất T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Bất Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Bất T - Bất T Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu :	7	3	3	1	1	1

4F. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SABHĀGA) Có 24 Cách	THẨM TRƯỞNG TÁU HỢP 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở Duyên	66 Tâm Đồng Lục Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	66 Tâm Đồng Lục Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	8	10	9	9	11	10
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. C. S. Y Duyên	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Đồ Đạo Duyên	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN
8. Nhân Duyên	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN
9. Hỗ Tương Duyên		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	
10. Tương Ứng		TƯƠNG ƯNG			TƯƠNG ƯNG	
11. C. S. Bất T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
12. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	1	1	1

5. VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (Vatth Ārammana Purejāt Adhipati Paccayo GHATANĀ)	CÂU # 1	
	Vô Ký - Bất Thiện	
Năng Duyên	Sắc Ý Vật thành cảnh tốt	
Sở Duyên	8 Tâm Tham, 22 Tâm Sở	
VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Duyên	18 Sắc thành ưa thích	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
2. Cảnh Trưởng Duyên	"	"
3. Cảnh Cận Y Duyên	"	"
4. Cảnh Tiền Sinh Duyên	"	"
5. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	"	"
6. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	"	"
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	Sắc Ý Vật Cận Tử	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
8. Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên	"	"
9. Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	"	"
10. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	"	"
11. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng	"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	11	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý	

5A. VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG DUYÊN TẤU HỢP (Vatth Ārammana Purejāt Adhipati Paccayo SABHĀGA)	LINH TINH TẤU HỢP (PAKINNAKA SABHĀGA)
Năng Duyên	Sắc Ý Vật Cận Tử
Sở Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	12
1. Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Duyên	Vật Cảnh T. S. T.
2. Cảnh Duyên	Cảnh Duyên
3. Cảnh Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng
4. Cảnh Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên
5. Cảnh Tiền Sinh Duyên	Cảnh Tiền Sinh
6. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	C. T. S. Hiện Hữu
7. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly	Cảnh T. S. Bất Ly
8. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	V. C. T. S. Y D.
9. Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên	Vật Cảnh T. S. D.
10. Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	V. C. T. S. H. H.
11. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	V. C. T. S. Bất Ly
12. V. C. T. S. Bất Tương Ứng Duyên	V. C. T. S. B. T. U.
	Vô Ký - Bất Thiện
Cộng Câu:	1